

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-9-2022  
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Hồng

2. Bà Trần Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.**

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Y**, sinh năm 1983 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 54 C, phường H, quận C, thành phố Đ.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi N**, sinh năm 1984 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 8 năm 2022 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đỗ Y trình bày:**

Hôn nhân giữa chị và anh Bùi N do quen biết tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đ vào

ngày 30 tháng 11 năm 2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình mẹ ruột của chị tại 54 C, phường H, quận C, thành phố Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị và anh N không còn sống chung từ năm 2010 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi N

- *Về con chung*: Trong quá trình sống chung chị và anh N có 01 con chung tên Bùi H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009, hiện nay con chung đang sống với chị Y. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung Bùi H.

- *Về tài sản chung*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

**\* Đối với bị đơn anh Bùi N có đơn xin vắng mặt nhưng trong bảng khai ý kiến ngày 05 tháng 9 năm 2022 anh Bùi N trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y do quen biết được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đ vào ngày 30 tháng 11 năm 2007. Anh và chị Y sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp. Anh và chị Y không còn sống chung từ năm 2009 đến nay. Nay vợ anh là chị Đỗ Y xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Y.

- *Về con chung*: Trong quá trình sống chung anh và chị Y có 01 con chung tên Bùi H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009 hiện nay con chung đang sống với chị Y. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Bùi H cho chị Y nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện, bảng khai ý kiến, đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, giấy chứng nhận kết hôn, trích lục khai sinh, bản sao căn cước công dân, phiếu chuyển phát nhanh, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn đã nộp: Căn cước công dân, bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

Ngoài ra các đương sự không còn cung cấp thêm chứng cứ nào và giữ nguyên quan điểm của mình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Y có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn giữa chị Đỗ Y và anh Bùi N, anh N có nơi cư trú tại ấp A, xã Q, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị Đỗ Y và bị đơn anh Bùi N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Y và anh N theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Y và anh Bùi Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đ vào ngày 30 tháng 11 năm 2007. Theo lời trình bày của chị Y và anh N vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, chị Y và anh N không còn sống chung từ năm 2009 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, nên việc chị Y anh Nho thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[3] Con chung: Chị Đỗ Y và anh Bùi N cùng xác nhận có 01 con chung tên Bùi H, sinh ngày 27 tháng 6 năm 2009, hiện nay con chung đang sống với chị Y. Sau khi ly hôn chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh N cũng đồng ý giao con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, đúng theo nguyện vọng của con chung tên Bùi H, chị Y tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa ghi nhận.

[4] Tài sản chung: Chị Y và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Chị Y và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Đỗ Y nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 **Điều 27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**\* Tuyên xử:**

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thống nhất thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Y và anh Bùi N.

[2] Con chung: Chị Y và anh Nho cùng xác nhận có 01 con chung tên Bùi H, sinh ngày 27 tháng 06 năm 2009, hiện nay con chung đang sống với chị Y. Sau khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng đúng theo nguyện vọng của con chung Bùi H. Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Người đang trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của người không trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì người trực tiếp nuôi con, người không trực tiếp nuôi con, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

[3] Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Y và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Đỗ Y nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N<sup>0</sup> 0008650 ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Y đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND phường H, quận C, thành phố Đ
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**